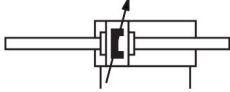


# Xy lanh tiêu chuẩn CRDNG-80- -PPV-A-S2

Số bộ phận: 185286

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                               | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                             | 10 mm...2000 mm                                               |
| Ø pít tông                                             | 80 mm                                                         |
| Ren thanh pít tông                                     | M20x1,5                                                       |
| Đệm                                                    | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                         | bất kì                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                   | ISO 15552                                                     |
| Đầu thanh piston                                       | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                      | Pít tông<br>Cần piston<br>Thanh kéo<br>Thân vỏ xy lanh        |
| Phát hiện vị trí                                       | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                           | Ty pít tông liền mạch                                         |
| Áp suất vận hành                                       | 0.06 MPA...1 MPA<br>0.6 bar...10 bar                          |
| Nguyên tắc vận hành                                    | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                  | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                   | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                             |
| Tuân thủ LABS                                          | VDMA24364-B2-L                                                |
| Phù hợp với thực phẩm                                  | xem thông tin tài liệu bổ xung                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                         | -20 °C...80 °C                                                |
| Chiều dài đệm                                          | 30 mm                                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi  | 2721 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống  | 2721 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                 | 1364 g                                                        |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm | 78 g                                                          |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                   | 5898 g                                                        |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm           | 131 g                                                         |
| Kiểu gắn                                               | với ren trong<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                       |
| Cổng nối khí nén                                       | G3/8                                                          |

| Đặc tính                | Giá trị                      |
|-------------------------|------------------------------|
| Vật liệu phủ            | Khuôn đúc bằng thép không gỉ |
| Vật liệu cửa phốt       | TPE-U (PU)                   |
| Vật liệu vỏ             | thép hợp kim cao không gỉ    |
| Vật liệu pít tông       | Hợp kim nhôm rèn             |
| Vật liệu thanh piston   | thép không gỉ hợp kim cao    |
| Vật liệu vỏ xy lanh     | thép hợp kim không gỉ        |
| Vật liệu đai ốc         | thép hợp kim không gỉ        |
| Vật liệu ổ trục         | POM                          |
| Vật liệu đai ốc có bích | thép không gỉ hợp kim cao    |
| Vật liệu ty ren         | thép hợp kim không gỉ        |